TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2023/DS-ST Ngày 28-02-2023. V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái.

Ông Trần Văn Giang.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 535/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*

1. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày

21/02/2022 ông có cho bà Đặng Thị L vay số tiền 19.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1,66%/01 tháng, thỏa thuận đến ngày 21/3/2022 thì bà L sẽ trả lại tiền cho ông, việc vay tiền có làm biên nhận do bà Đặng Thị L trực tiếp ký tên. Bà L vay tiền cũng để S dụng sinh hoạt chung trong gia đình bà L và ông N (chồng bà L) nên ông yêu cầu ông N phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông. Sau đó, đến ngày 21/3/2022 do bà L không trả tiền cho ông nên ông Nguyễn Mạnh H có ký cam kết bảo lãnh nợ, đồng ý trả thay số tiền bà L và ông N còn nợ ông là 19.000.000 đồng, cam kết trả vào ngày 21/4/2022 nếu bà L và ông N không trả nợ cho ông. Sau đó, đến ngày 17/01/2023 thì bà L có trả cho ông được số tiền 1.500.000 đồng, còn nợ lại 17.500.000 đồng đến nay không trả. Nay ông yêu cầu giải quyết buộc bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H liên đới trả cho ông số tiền vốn vay còn nợ là 17.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền 17.500.000 đồng kể từ ngày 21/02/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H liên đới trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H cùng cư trú tại ấp R, xã R, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nói trên là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp, ông Nguyễn Việt S yêu cầu giải quyết buộc bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền vốn vay còn nợ là 17.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông S có cung cấp cho Tòa án một biên nhận nợ được lập vào ngày 21/02/2022 do bà Đặng Thị L ký xác lập thể hiện bà Đặng Thị L có vay của ông S số tiền 19.000.000 đồng và thỏa thuận thời gian trả nợ vào ngày 21/3/2022 đúng như ông S đã khai. Số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông N đang tồn tại nên được xác định là nợ chung của bà L và ông N. Tuy nhiên, bà L và ông N không thực hiện việc trả tiền đúng theo thỏa thuận với ông S nên đến ngày 21/3/2022 ông Nguyễn Mạnh H có xác

lập một giấy cam kết đồng ý trả nợ thay cho bà L và ông N, cam kết đến ngày 21/4/2022 ông Nguyễn Mạnh H sẽ trả đủ cho ông S số tiền 19.000.000 đồng còn nợ ông S nếu bà L và ông N không trả. Tuy nhiên, sau đó bà L, ông N và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả cho ông S số tiền còn nợ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà L, ông N và ông H đều không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do ông S cung cấp. Do đó, ông S khởi kiện buộc bà L, ông N và ông H chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 17.500.000 đồng cho ông S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông S yêu cầu bà L, ông N và ông H liên đới trả lãi theo quy định của pháp luật đối với số tiền vốn vay là 17.500.000 đồng, kể từ ngày 21/02/2022 đến ngày 28/02/2023 (ngày xét xử sơ thẩm). Tại biên nhận ngày 21/02/2022 thể hiện giữa các bên có thỏa thuận lãi suất do đó việc ông S yêu cầu tính lãi là có căn cứ để chấp nhận. Thời gian tính lãi là 01 năm 07 ngày, mức lãi suất được tính là 20%/năm tương đương với số tiền lãi là 3.548.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi mà L, ông N và ông H còn nợ ông Nguyễn Việt S là 21.048.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S, buộc bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 21.048.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S được Tòa án chấp nhận nên bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ là 21.048.000 (Hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà Đặng Thị L, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Mạnh H phải chịu số tiền 1.052.000 đồng. Ông Nguyễn Việt S đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 475.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018319 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Nay hoàn trả lại toàn bộ cho ông Nguyễn Việt S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Huệ